

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01: Mua vị thuốc cổ truyền tại Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước năm 2023 - 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược; Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá; Thông tư số 15/2021/TT-BYT ngày 24/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp

ứng yêu cầu điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp; Thông tư số 05/2015/TT-BYT ngày 17/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đông y, thuốc từ dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước tại Tờ trình số 737/TTr-BVBT ngày 25/9/2023 và Tờ trình số 808/TTr-BVBT ngày 25/10/2023; đề nghị của Sở Y tế tại Báo cáo số 5194/BC-SYT ngày 10 tháng 11 năm 2023 về thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01: Mua vị thuốc cổ truyền tại Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước năm 2023 - 2024, kèm các hồ sơ liên quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01: Mua vị thuốc cổ truyền tại Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước năm 2023 - 2024, gồm các nội dung sau:

1. Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Mua vị thuốc cổ truyền tại Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước năm 2023 - 2024.

2. Giá gói thầu: 675.542.200 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm đồng*). Theo từng phần, chi tiết tại phụ lục kèm theo.

3. Nguồn vốn: Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị.

4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.

5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.

6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2023.

7. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

8. Thời gian thực hiện hợp đồng: Không quá 12 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác đối với danh mục, dự toán, kết quả thẩm định và trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu nêu trên theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Y tế; Giám

độc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, V_{XNVH}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Đầu Thanh Tùng', written in a cursive style.

Đầu Thanh Tùng

Phụ lục
DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên vị thuốc	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
Tổng Nhóm 1: Gồm 05 phần (05 mặt hàng), giá trị 144.805.500 đồng										
1	Trần bì	Nhóm 1	Vỏ quả chín	<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>	Sao vàng	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	29	178.500	5.176.500
2	Xuyên khung	Nhóm 1	Thân rễ	<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	60	460.950	27.657.000
3	Liên nhục	Nhóm 1	Hạt tách bỏ lõi	<i>Semen Nelumbinis</i>	Sao vàng	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	35	434.700	15.214.500
4	Đương quy (di thực)	Nhóm 1	Rễ củ	<i>Radix Angelicae acutilobae</i>	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	50	786.450	39.322.500
5	Ba kích	Nhóm 1	Rễ	<i>Radix Morindae officinalis</i>	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	50	1.148.700	57.435.000
Tổng Nhóm 2: Gồm 31 phần (31 mặt hàng), giá trị 530.736.700 đồng										
6	Thảo quyết minh	Nhóm 2	Hạt	<i>Semen Cassiae torae</i>	Sao cháy	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	10	114.000	1.140.000
7	Hương phụ	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Cyperi</i>	Thái phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	40	141.750	5.670.000
8	Sa nhân	Nhóm 2	Hạt	<i>Fructus Amomi</i>	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	10	437.850	4.378.500
9	Khương hoàng/Uất kim	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma et Radix Curcumae longae</i>	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	10	99.750	997.500
10	Hòe hoa	Nhóm 2	Nụ hoa	<i>Flos Styphnolobii</i>	Sao vàng	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	40	316.700	12.668.000

STT	Tên vị thuốc	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				<i>japonici</i>						
11	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Astragali membranacei</i>	Chích mật	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	30	466.200	13.986.000
12	Độc hoạt	Nhóm 2	Rễ	<i>Herba Elsholiziae ciliatae</i>	Thái phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	40	301.980	12.079.200
13	Phòng phong	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>	Thái phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	50	1.514.100	75.705.000
14	Hy thiêm	Nhóm 2	Toàn thân	<i>Herba Siegesbeckiae</i>	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	30	134.000	4.020.000
15	Kim ngân hoa	Nhóm 2	Nụ hoa	<i>Flos Lonicerae</i>	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	20	646.000	12.920.000
16	Huyền sâm	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Scrophulariae</i>	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	30	168.000	5.040.000
17	Táo nhân	Nhóm 2	Hạt	<i>Semen Ziziphi mauritiana</i>	Sao đen	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	30	760.200	22.806.000
18	Viễn chí	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Polygalae</i>	Sao cám	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	40	1.269.000	50.760.000
19	Ngưu tất	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	50	350.700	17.535.000
20	Đan sâm	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Salviae miltiorrhizae</i>	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	40	304.500	12.180.000
21	Đào nhân	Nhóm 2	Nhân hạt	<i>Semen Pruni</i>	Sao vàng	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	20	908.250	18.165.000
22	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	Nhóm 2	Thể quả nấm	<i>Poria</i>	Thái phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	50	321.090	16.054.500

STT	Tên vị thuốc	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
23	Thương truật	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Atractylodis</i>	Sao vàng	ĐĐVN V hoặc TCCS	Kg	50	837.900	41.895.000
24	Cầu tích	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Ciboitii</i>	Chích rượu	ĐĐVN V hoặc TCCS	Kg	50	101.850	5.092.500
25	Sơn thù	Nhóm 2	Quả gần chín	<i>Fructus Corni officinalis</i>	Chung rượu	ĐĐVN V hoặc TCCS	Kg	30	520.800	15.624.000
26	Bạch thược	Nhóm 2	Rễ củ	<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>	Vi sao	ĐĐVN V hoặc TCCS	Kg	50	284.550	14.227.500
27	Đương quy (Toàn quy, Quy đầu, Quy vĩ/Quy râu)	Nhóm 2	Toàn rễ	<i>Radix Angelicae sinensis</i>	Chích rượu	ĐĐVN V hoặc TCCS	Kg	40	712.950	28.518.000
28	Hà thủ ô đỏ	Nhóm 2	Rễ củ	<i>Radix Fallopieae multiflorae</i>	Chế đậu đen	ĐĐVN V hoặc TCCS	Kg	50	259.980	12.999.000
29	Thục địa	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>	Chích rượu, gừng, sa nhân	ĐĐVN V hoặc TCCS	Kg	40	487.200	19.488.000
30	Câu kỷ tử	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Lycii</i>	sơ chế	ĐĐVN V hoặc TCCS	Kg	30	408.450	12.253.500
31	Cốt toái bổ	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Drynariae</i>	Chích rượu	ĐĐVN V hoặc TCCS	Kg	60	154.350	9.261.000
32	Đỗ trọng	Nhóm 2	Vỏ thân	<i>Cortex Eucommiae</i>	Chích muối	ĐĐVN V hoặc TCCS	Kg	60	211.050	12.663.000
33	Bạch truật	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>	Chích rượu	ĐĐVN V hoặc TCCS	Kg	50	277.200	13.860.000
34	Cam thảo	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Glycyrrhizae</i>	Chích mật	ĐĐVN V hoặc TCCS	Kg	30	414.750	12.442.500

